Phụ lục 73
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ PHÚ LÂM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 3, 6, 7, 10, 13, 14, 15, 16 Phụ lục 73 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL73 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	3	- Chợ Tân Phú (02 nhà lồng chợ, dãy nhà đối diện chợ giáp đường Quốc lộ 80B)	2.500	Sửa tên đường (Tên cũ: Chợ Tân Phú)
2	6	Đường dẫn cống K5: từ Quốc lộ 80B đến cụm dân cư K5	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường dẫn cống K5 từ Quốc lộ 80B đến cụm dân cư K5)
3	10	Lộ sau (Ranh xã Chợ Vàm đến hết ranh ấp Phú Hòa A)	1.200	Sửa tên đường (Tên cũ: Lộ sau)
4	13	Đường ĐH 157 (Đường tỉnh 954 quy hoạch)	800	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường huyện 157 (Đường tỉnh 954 quy hoạch))
5	14	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	200	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL73 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6	15	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	160	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	3	- Chợ Tân Phú (02 nhà lồng chợ, dãy nhà đối diện chợ giáp đường Quốc lộ 80B)	2.500	
		- Quốc lộ 80B (trừ Chợ Tân Phú)	1.800	Bổ sung
2		Lộ sau (Đoạn từ Km5 đến hết ranh ấp Long Hoà 2)	500	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	16	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL73 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	**I**	**Khu vực thuộc các ấp: Long Thạnh 2, Long Hòa 1, Long Hòa 2, Phú Hòa A, Phú Hòa B, Phú Thuận A, Phú Thuận B, Phú Lợi, Tân Phú**		
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản		
		- Quốc lộ 80B	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B),
		- Đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng)),
		- Khu vực còn lại	41	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
b	2	Đất trồng cây lâu năm		

TT	Số TT PL73 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		- Quốc lộ 80B	104	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B),
		- Đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng)	92	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng)),
		- Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
2	II	Khu vực thuộc các ấp: Phú Đông, Phú Tây, Long Hậu		
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản		
		Đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng))
		- Đường 954 quy hoạch (đường huyện 157)	86	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nhựa (giáp phường Long Phú)),

TT	Số TT PL73 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		- Đường nhựa kênh thần nông (bờ Tây kênh thần nông)	58	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nhựa kênh thần nông (giáp xã Châu Phong)),
		- Khu vực còn lại	31	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Cái Vừng)),
		- Đường 954 quy hoạch (đường huyện 157)	100	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nhựa (giáp phường Long Phú)),
II	**BỔ SUNG**			
1	II	Khu vực thuộc các ấp: Phú Đông, Phú Tây, Long Hậu		
a	2	Đất trồng cây lâu năm		
		- Đường nhựa kênh thần nông (bờ Tây kênh thần nông)	85	Bổ sung